

Bản án số: 31/2022/HS-ST  
Ngày 05-7-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Khúc Trọng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đặng Thị Đới

Bà Khúc Thị Minh

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**Đ1 diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1985; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1957 (không xác định Đ cha đẻ); tiền án: Bản án hình sự số 248/HSST ngày 21/11/2018, Tòa án nhân dân quận L xử phạt 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 31/2022/HS-ST ngày 31/5/2022, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/01/2022, chuyển tạm giam từ ngày 28/01/2022 theo Lệnh tạm giam của Cơ quan C sát điều tra Công an quận H, có mặt.

2. Đặng Thị Q, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1984; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Tổ dân phố 16, thị trấn C1, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N2, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1957; có chồng là Lê Văn D2, sinh năm 1981 (đã ly hôn); có 02 con sinh

năm 2002; tiền án: Bản án hình sự số 12 ngày 21/6/2018, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/3/2022, có mặt.

*Bị hại:*

- Anh Trịnh Văn Đ1, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn Q3, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt

- Anh Bùi Văn C, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn V2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 5, phường V, quận K1, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và Đặng Thị Q chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà trọ ở Đầu Xuân 5, phường V, quận K1, thành phố Hải Phòng. Trong khoảng thời gian từ ngày 12/12/2021 đến ngày 18/01/2022 Đ rủ Q đi trộm cắp tài sản, Q đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô Suzuki biển kiểm soát 16N2-0490 chở Q, phía sau xe gắn một chiếc xe ba bánh tự chế để chở đồ, đi lang thang trên địa bàn huyện K tìm sở hớ trộm cắp tài sản. Đ và Q liên tiếp thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 03 giờ 45 phút ngày 12 tháng 12 năm 2021, Đ điều khiển xe chở Q đi đến nhà anh Trịnh Văn Đ1, sinh năm 1989, ở thôn T, xã M, huyện K, phát hiện tại sân (giáp trục đường) nhà anh Đ1 có nhiều chậu để trồng cây C; không có người trông coi. Đ dừng xe ở đường, Q ngồi trên xe cạnh giới, Đ đi xuống dùng hai tay bê 01 chậu bê tông hình tròn màu xanh ngọc đường kính miệng chậu 60cm, cao 27cm để trên xe ba bánh, rồi quay lại lấy 01 cái đôn của chậu để trên xe ba bánh. Đ điều khiển xe mô tô chở Q, kéo theo xe ba bánh về nhà trọ cất giấu chậu. Sau đó, Đ mang chiếc chậu trên cho anh trai là anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982, trú tại thôn L 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 31 tháng 12 năm 2021, Đ điều khiển xe chở Q đến nhà anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, ở thôn Q3, xã Đ, huyện K, phát hiện tại trước cửa nhà anh T trồng 02 cây mộc hương trong chậu; không có người trông coi. Đ dừng xe ở đường, Q ngồi trên xe cạnh giới, Đ đi

xuống dùng hai tay nhổ 02 cây mộc hương để trên xe ba bánh. Đ điều khiển xe chở Q qua thôn K2, xã T cất giấu 02 cây mộc hương vào bụi chuối.

**Vụ thứ ba:** Khoảng 04 giờ 10 phút ngày 31 tháng 12 năm 2021, sau khi giấu 02 cây mộc hương vào bụi chuối, Đ điều khiển xe chở Q đến nhà anh Bùi Văn C, sinh năm 1980, trú tại thôn V2, xã Đ, huyện K, phát hiện trước cửa nhà anh C có nhiều tấm gỗ đã Đ cắt xẻ; không có người trông coi. Đ dùng xe ở đường, Đ và Q đi xuống, cả hai dùng hai tay khênh 01 tấm gỗ để trên xe ba bánh. Đ và Q điều khiển xe chở 01 tấm gỗ đi qua thôn K2, xã T lấy 02 cây mộc hương ở bụi chuối rồi chở về nhà trọ. Đến sáng cùng ngày, Đ cắt tĩa 02 cây mộc hương trồng vào chậu đặt ở vườn nhà trọ, sau đó Đ dùng xe chở tấm gỗ đến cửa hàng thu mua vật liệu của chị Vũ Thị D, sinh năm 1971, ở số 986 Nguyễn Bình K1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, bán Đ 700.000đồng.

**Vụ thứ tư:** Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 18 tháng 01 năm 2022, Đ tiếp tục điều khiển xe chở Q đến nhà anh Trịnh Văn Đ1, sinh năm 1989, ở thôn T, xã M, huyện K, Đ và Q dùng hai tay bê 01 chậu cây bê tông hình lục giác màu đỏ đường kính miệng chậu 65cm, bên trong chậu có đôn, để trên xe ba bánh rồi chở về nhà trọ cất giấu. Cùng ngày Đ bán chậu trên cho anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1972, trú tại Tổ 5, phường V, quận K1, thành phố Hải Phòng với giá 300.000đồng.

Các lần bán tài sản trộm cắp Đ tiền thì Đ và Q ăn tiêu chung.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 02, 03, 04 ngày 03/3/2022 và Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 05/4/2022 của Hội đồng định giá huyện K kết luận:

- 01 cây mộc hương ta đường kính gốc 04cm, chiều cao 1,6m, trị giá 1.300.000 đồng; 01 cây mộc hương ta đường kính gốc 05cm, chiều cao 1,6m, trị giá 1.500.000 đồng. Tổng trị giá 2.800.000 đồng.

- 01 chậu cây bê tông hình lục giác màu đỏ đường kính miệng chậu 65cm, chiều cao cả đôn và chậu là 60cm, trị giá 250.000 đồng.

- 01 chậu cây bê tông hình tròn màu xanh ngọc đường kính miệng chậu 60cm, chiều cao cả đôn và chậu là 42cm, trị giá 200.000 đồng.

- 01 tấm gỗ lim Indonexia hình chữ nhật dài 03m, rộng 60cm, dày 03cm, tổng thể tích 0,054m<sup>3</sup>, trị giá 2.700.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chậu cây bê tông hình tròn màu xanh N2, 01 chậu cây bê tông hình lục giác màu đỏ (kèm theo đôn) cho anh Trịnh Văn Đ1; trả lại 02 cây mộc hương cho anh Nguyễn Văn T; ngày 04/5/2022 Cơ quan điều tra trả lại 01 xe mô tô Suzuki biển kiểm soát 16N2-0490 sau xe gắn một chiếc xe ba bánh tự chế cho anh Nguyễn Văn K, là những chủ sở hữu hợp pháp; 01 tấm gỗ lim chị Vũ Thị D đã bán cho người không quen biết nên không thu hồi Đ.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS-KT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo các Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Q đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B, chị Vũ Thị D đều không biết tài sản do Đ và Q trộm cắp mà có, anh K không biết các bị cáo sử dụng xe của mình làm phương tiện để trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Q và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự (thêm Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù tại bản án số 31/HSST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân quận H buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 45 tháng tù đến 51 tháng tù; xử phạt bị cáo Đặng thị Q từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Về dân sự: Bị hại là anh Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản, anh Bùi Văn C đã nhận bồi thường đầy đủ, các bị hại không có yêu cầu đề nghị nào khác nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn K vắng mặt và không có yêu cầu, đề nghị gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm 01 áo khóa phao nữ màu đen nhãn hiệu KIT + FORT made in Việt Nam, màu hồng đỏ của bị cáo Q; 01 áo khoác nam ở mặt sau lưng có dòng chữ FAVOR màu đen, phần ngực áo bên phải và lưng áo phía sau bên trên có hình con ngựa màu trắng đục; 01 mũ vải lưới trai màu đen có tem chữ màu trắng ALAN.WALKER của bị cáo Đ.

- Ý kiến của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Q: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Q khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản vụ việc; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/12/2021 đến ngày 18/01/2022 tại khu vực xã M, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Q đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện 04 lần hành vi trộm cắp tài sản là 01 chậu cây bê tông hình tròn kèm theo đôn, màu xanh N2 trị giá 200.000 đồng và 01 chậu cây bê tông hình lục giác kèm theo đôn, màu đỏ trị giá 250.000 đồng của anh Trịnh Văn Đ1; 02 cây mộc hương trị giá 2.800.000 đồng của anh Nguyễn Văn T; 01 tấm gỗ lim Indonexia trị giá 2.700.000 đồng của anh Bùi Văn C. Tổng trị giá tài sản cá bị cáo trộm cắp Đ qua định giá là 5.950.000 đồng. Các bị cáo Đ, Q là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo Đ, Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đ, Q thực hiện 04 lần hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng, đồng thời nhân thân các bị cáo Đ, Q đều có 01 tiền án chưa được xóa án tích thì lại tiếp tục phạm tội do vậy cả hai bị cáo đều phải chịu các tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo Đ, Q đều khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đồng thời đã tác động gia đình bồi thường về dân sự cho bị hại là anh Bùi Văn C và anh C có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho cả hai bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm.

Đây là vụ án có đồng phạm, do vậy cần thiết phải phân hoá vai trò đối với từng bị cáo để có mức án công bằng, tương xứng với hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội với vai trò là người đề xuất việc trộm cắp, thực hành tích cực, trực tiếp tiêu thụ tài sản trộm cắp nên bị cáo có vai trò cao hơn so với bị cáo Q nên mức án của bị cáo Đ phải cao hơn so với bị cáo Q và phải ở mức cao của khung hình phạt. Bị cáo Q phạm tội với vai trò đồng phạm, thực hành tích cực, cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cùng ăn tiêu số tiền bán tài sản trộm cắp, bị cáo Q có vai trò thấp hơn so với bị cáo Đ nên có mức án thấp hơn nhưng cũng phải trên khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy tài liệu xác minh thể hiện các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về dân sự: Bị hại là anh Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện đã được nhận lại tài sản đầy đủ; anh Bùi Văn C đã nhận bồi thường đầy đủ, các bị hại không có yêu cầu bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn K vắng mặt và không có yêu cầu, đề nghị gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 áo khóa phao nữ màu đen nhãn hiệu KIT + FORT made in Việt Nam, màu hồng đỏ của bị cáo Q; 01 áo khoác nam ở mặt sau lưng có dòng chữ FAVOR màu đen, phần ngực áo bên phải và lưng áo phía sau bên trên có hình con ngựa màu trắng đục; 01 mũ vải lưỡi trai màu đen có tem chữ màu trắng ALAN.WALKER của bị cáo Đ. Đây là các vật chứng các bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù tại Bản án số 31/HSST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 45 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thị Q 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/3/2022.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khóa phao nữ màu đen nhãn hiệu KIT + FORT madein Việt Nam, màu hồng đỏ; 01 áo khoác nam ở mặt sau lưng có dòng chữ FAVOR màu đen, phần ngực áo bên phải và lưng áo phía sau bên trên có hình con ngựa màu trắng đục; 01 mũ vải lưới trai màu đen có tem chữ màu trắng ALAN.WALKER.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng)*

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã T, huyện K;
- UBND thị trấn C1, huyện C;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khúc Trọng Quang**